

SÁCH GIÁO KHOA CHỮ HÁN CỦA ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

Trịnh Ngọc Ánh

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Với mục đích bỏ lối học từ chương, du nhập những tư tưởng mới, phát triển văn hóa, giáo dục, Đông Kinh nghĩa thực mặc dù cổ súy học chữ Quốc ngữ nhưng vẫn sử dụng nhiều sách chữ Hán làm tài liệu giảng dạy và học tập. Điều này được lý giải bởi đội ngũ giáo viên của trường phần lớn là các nhà Nho, giỏi Hán văn và còn bởi những nội dung tiến bộ, những điểm cách tân mà các tài liệu Hán văn này chuyển tải, nhằm mục đích khai dân trí, chấn dân khí. Bài viết này vì thế chủ yếu đi vào trình bày 2 vấn đề chính: tổng quan về hệ thống sách giáo khoa chữ Hán của Đông Kinh nghĩa thực và phân tích những điểm cách tân trong hệ thống sách giáo khoa chữ Hán này.

Từ khóa: Sách giáo khoa, chữ Hán, Đông Kinh nghĩa thực.

Nhận bài ngày 10.5.2021; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 22.6.2021

Liên hệ tác giả: Trịnh Ngọc Ánh; Email: tnanh@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Đông Kinh nghĩa thực là trường học được mở ra vì việc nghĩa, để làm việc nghĩa, dạy học không lấy tiền ở Hà Nội. Cuối năm 1906, sau cuộc hội kiến với Phan Bội Châu ở Nhật về nước, Phan Chu Trinh gặp gỡ Lương Văn Can và một số nhà nho duy tân để bàn về việc thành lập một trường học kiểu mới, theo tinh thần của *Khánh Ưng nghĩa thực*, một trường học do Fukuzawa Yukichi (Phúc Trạch Dụ Cát 1835-1901) thành lập, có vai trò to lớn trong quá trình hiện đại hóa ở Nhật Bản. Tháng 3 năm 1907, trường tạm thời được khai giảng tại số 4 phố Hàng Đào, do Lương Văn Can làm Thực trưởng, Nguyễn Quyền làm Học giám, với khoảng 70 học viên, chia thành 2 lớp nam và nữ. Tháng 5 năm 1907, trường được chính quyền Pháp cấp phép cho hoạt động hợp pháp. *Đông Kinh nghĩa thực* nhanh chóng trở nên nổi tiếng ở Hà Nội, nên ngay sau đó trường phải mượn thêm căn nhà số 10 gần đó để đáp ứng sự mở rộng và phát triển của trường. Các vùng lân cận như Hà Đông, Hoài Đức, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình,... nghĩa thực cũng ảnh hưởng theo đó mà phát triển mạnh mẽ, nhiều lớp học được mở và xin sách giáo khoa của *Đông Kinh nghĩa thực* về giảng dạy. Về sau, chính quyền Pháp nhận thấy *Đông Kinh nghĩa thực* thực sự là mối nguy ngại đối với chế độ thuộc địa lúc bấy giờ, nên vào tháng 11 năm 1907, trường bị buộc phải giải thể. *Đông*

Kinh nghĩa thực chỉ hoạt động chính thức trong 9 tháng nhưng đã thực hiện được tôn chỉ hành động “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, bồi dưỡng, nâng cao lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, gây được ảnh hưởng sâu rộng, góp phần tích cực cho việc truyền bá tư tưởng mới trong xã hội đương thời.

2. NỘI DUNG

2.1. Về giáo dục

Đông Kinh nghĩa thực hoạt động với chương trình học chia thành 3 bậc: Tiểu học, Trung học và Đại học, xếp lớp không phải theo độ tuổi mà theo trình độ hiểu biết của học viên. Các môn được giảng dạy và học tập tại trường gồm chữ Quốc ngữ, Hán văn, Pháp văn, Lịch sử, Địa dư, Luân lý, Toán pháp, Văn chương, các môn khoa học tự nhiên theo lối tân học Trung Hoa và Nhật Bản. Trong đó chữ Quốc ngữ, Lịch sử, Địa dư, Luân lý là những môn học được đặc biệt chú trọng, vì đó là những môn học đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục tinh thần dân tộc, lòng yêu nước.

2.2. Sách giáo khoa

Sách giáo khoa của *Đông Kinh nghĩa thực* bao gồm sách chữ Hán, sách dịch (tân văn, tân thư của Trung Quốc, Nhật Bản) và sách chữ Quốc ngữ, do nhà trường biên soạn, in ấn và phát hành dùng để giảng dạy trong trường và các nghĩa thực ở các địa phương. Tân thư (sách dịch) có cuốn *Trung Quốc tân giáo khoa thư*. Sách chữ Quốc ngữ có 4 cuốn, gồm:

Tối tân Quốc văn tập đọc, dày 40 trang, chữ Quốc ngữ viết tay, nhà in Tân Tiên, 244 Hàng Bông in bằng thạch, gồm 19 bài thơ ca *Đông Kinh nghĩa thực* cùng với *Sách học văn* và *Cửu chương*;

Đại Việt địa dư, là tập thơ ca lục bát do Lương Văn Can biên soạn, viết về đặc điểm địa lí, di tích văn hoá, công sở, chùa chiền, trường học, địa danh ở 39 tỉnh thành của Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ;

Tỉnh quốc hồn ca (phần I) là tập thơ song thất lục bát gồm 472 câu của Phan Chu Trinh, nêu lên quá khứ vẻ vang của dân tộc, chỉ trích lỗi lầm của người trên kẻ dưới dẫn đến nước nhà suy vong, từ đó đặt ra vấn đề người Việt phải học tập người Âu, người Mỹ để cách tân xã hội theo chiều hướng dân chủ tư sản.

Hợp quần doanh sinh thuyết của Nguyễn Thượng Hiền, được *Đông Kinh nghĩa thực* in thành sách làm tài liệu dạy học về kinh tế, là tập thơ song thất lục bát trình bày chủ trương kinh tế theo hướng duy tân, kêu gọi quốc dân chấn hưng thực nghiệp, bỏ vốn mở mang công nghệ, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp và khai mỏ.

2.3. Sách giáo khoa chữ Hán

Sách giáo khoa chữ Hán có 9 cuốn, trong đó 7 cuốn do *Đông Kinh nghĩa thực* ấn hành và 2 cuốn của Phan Bội Châu gửi về từ Nhật, gồm:

Quốc dân độc bản (2 tập), tác giả khuyết danh, là cuốn sách giáo khoa rất quan trọng của *Đông Kinh nghĩa thực*. Được coi là cuốn sách vỡ lòng cho học sinh tập đọc, sách gồm

79 bài với các chủ đề luân lý, đạo đức, địa lý, lịch sử, tôn giáo, phong tục, quan chức, pháp luật, cảnh sát, tô thuế,... Được biên soạn theo quan điểm mới, cuốn sách nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản nhất về nguồn gốc xã hội, về lòng ái quốc, về lịch sử lập nước và khai hóa đất nước, từ đó khẳng định dân có mệnh thì nước mới mạnh, phải yêu nước một cách đúng đắn, thực sự để hành động cho đất nước, tất cả nhằm giáo dục người học lòng yêu nước, yêu dân tộc, ý chí tự lực tự cường, ra sức đóng góp cho quốc gia, dân tộc. Với tình thần đó, sách được khắc in nhiều lần, phát hành với số lượng lớn để phổ biến tại Đông Kinh nghĩa thực và các nghĩa thực ở các địa phương. Trong nước, văn bản gốc chữ Hán hiện được lưu giữ ở Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm (ký hiệu A.174), Thư viện Quốc gia (tập 1 ký hiệu R.1753, tập 2 ký hiệu R.1509), Trung tâm lưu trữ quốc gia I (Hồ sơ số 56.247).

Văn minh tân học sách (Kế sách xây dựng nền học mới để đạt đến văn minh) có thể được viết trước năm 1904, đến 1907 được Đông Kinh nghĩa thực ấn hành làm sách giáo khoa dạy học cho Đông Kinh nghĩa thực và các nghĩa thực địa phương. Hiện sách được lưu trữ ở Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm 3 bản viết tay với các ký hiệu VHv.347, A.566, VHv.2039, 1 bản in với ký hiệu A.567, ở Thư viện Quốc gia 6 bản với các ký hiệu R.1503, R.1504, R.1505, R.1506 và R.1507. Sách gồm 3 phần (3 bài): *Văn minh tân học sách*, *Cáo hủ lậu văn*, *Thỉnh khản Cao Ly vong quốc chi thảm trạng*. Nội dung sách viết về cách thức xây dựng nền học mới để đưa đất nước đạt đến văn minh. Về tác giả của sách, Chương Thâu thì cho rằng sách do Đào Nguyên Phổ biên soạn, còn Vũ Thế Khôi thì cho là của Ngô Đức Kế. Hiện vẫn đề tác giả *Văn minh tân học sách* vẫn đang được bàn cãi.

Cải lương nông học quốc sử giáo khoa thư là sách dạy lịch sử Việt Nam từ thời Hồng Bàng đến thời Duy Tân, viết theo thể văn xuôi, chia thành 5 thiên là *Thượng cổ thời đại* (3 tiết), *Bắc thuộc thời đại* (9 tiết), *Trung cổ bột hưng thời đại* (9 tiết), *Cận thế thống nhất thời đại* (33 tiết) và *Tối cận thống nhất thời đại*. Sách còn có phần phụ lục về các nước và khu vực lân cận. Sách được lưu giữ ở Viện nghiên cứu Hán Nôm gồm 2 bản in với ký hiệu A.169, VHv.1552 và 2 bản viết với ký hiệu VHv.2145, VHv.159, ở Thư viện Quốc gia có 1 bản với ký hiệu R.1946.

Nam quốc địa dư, sách giáo khoa địa lý Việt Nam do Lương Trúc Đàm biên soạn vào đầu năm 1907 khi Đông Kinh nghĩa thực bắt đầu khai giảng. Sách được biên soạn nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về địa lý nước ta, nội dung chính bao gồm địa lý tự nhiên (hình thế, vị trí, giới hạn, sông ngòi, đê đập, cửa biển, khí hậu), địa lý nhân văn (nhân dân, nhân vật, dân cư), địa lý kinh tế chính trị (quân sự, tài chính, giáo dục, thuế khóa, sản vật, công nghệ, số phủ, huyện, tổng, xã, thôn ở các tỉnh trong nước và phong tục, sinh hoạt của dân tộc ít người, đường sắt, đường thủy, bưu điện). Sách hiện còn 4 bản được lưu giữ ở Viện nghiên cứu Hán Nôm với các ký hiệu VHv.173, VHv.1725, A.75, VHv.2102 và 4 bản được lưu giữ ở Thư viện Quốc gia với các ký hiệu R.1835, R.249, R.1424, R437.

Nam quốc vĩ nhân truyện và *Nam quốc giai sự truyện*, hai sách được đóng gộp thành một tập 76 trang, tác giả khuyết danh. Phần 1 (48 trang) là *Nam quốc vĩ nhân truyện*, gồm 10 truyện về các vua (Lý Nam Đế, Triệu Việt Vương, Đinh Tiên Hoàng,...), 5 truyện về

những người thuộc dòng dõi quý tộc (Trần Quang Khải, Trần Hưng Đạo, Trần Nhật Duật,...), 13 truyện về các quan văn (Lê Bá Ngọc, Lê Phụ Trần, Hàn Thuyên,...), 17 truyện về các tướng võ (Lê Phụng Hiểu, Lí Thường Kiệt, Trần Khánh Dư,...). Phần 2 (28 trang) là *Nam quốc giai sự truyện*, gồm 16 truyện như: Dạ Trạch Vương, Phạm Lệnh Công, Đê quai vạc, Một mình một ngựa dẹp yên giặc, Đặng Lê, Cao Nghĩa, Hội thề ở phía Nam thành, Quốc công tẩm cho Thượng tướng, Trần Bạch Đằng, Bữa tiệc ở Lan Đình, Chiếc gậy của Trần Hưng Đạo, Mớ tóc của Trường Phái Hào, Diệt giặc Chiêm Thành. Hai sách hiện được lưu giữ tại Viện nghiên cứu Hán Nôm với chung một ký hiệu là A.3207.

Tân đính luân lý giáo khoa thư là cuốn sách giáo khoa dạy luân lý của *Đông Kinh nghĩa thực*, được biên soạn bởi các nhà nho đảm nhiệm giảng dạy Hán văn trong trường, được *Đông Kinh nghĩa thực* khắc in, phát hành để phục vụ cho việc dạy học ở trường và các nghĩa thực ở các địa phương. Sách có 72 trang, chia thành 7 chương (Tổng luận, Đối quốc, Đối gia, Đối kỷ, Đối nhân, Đối xã hội, Đối thứ vật), mỗi chương lại chia thành những mục nhỏ. Sách hiện chỉ có một bản duy nhất được lưu giữ tại Trung tâm lưu trữ quốc gia I – Hà Nội.

Việt Nam vong quốc sử do Phan Bội Châu biên soạn năm 1905, được Lương Khải Siêu đề tựa và in giúp tại *Thư cục Quảng Trí* (Thượng Hải, Trung Quốc) vào tháng 9 cùng năm. Năm 1907, ngay sau khi khai giảng, sách đã được *Đông Kinh nghĩa thực* sử dụng làm tài liệu học tập cho trường và các nghĩa thực địa phương. Sách gồm 4 nội dung chính. Tương ứng với 4 chương là: *Nguyên nhân và sự thật về Việt Nam mất nước*, *Tiểu truyện về các chí sĩ*, *Tình trạng người Pháp làm khổ khổ, ngu hèn, tối tăm người Việt* và *Tương lai của Việt Nam*. Bản in lần đầu của sách hiện được lưu giữ tại Thư viện Viện Thông tin Khoa học xã hội với ký hiệu A.2559.

Hải ngoại huyết thư do Phan Bội Châu viết bằng chữ Hán ở Nhật năm 1906. Bức thư được chép trên những tờ giấy cũ một mặt, lời lẽ thống thiết như được viết bằng máu gửi tới đồng bào trong nước, lột trần chính sách thâm độc của giặc Pháp, lên án nạn sưu cao thuế nặng, chế độ giáo dục của Pháp. Bản gốc chữ Hán hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Quốc gia với ký hiệu R.588. Khi *Hải ngoại huyết thư* được gửi về nước, ngay lập tức đã được Lê Đại dịch ra chữ Nôm với thể thơ song thất lục bát và được *Đông Kinh nghĩa thực* in ấn, phát hành làm tài liệu học tập cho các học viên. Với tâm huyết và tài ba của bậc trượng phu nghĩa khí, tác phẩm dịch Nôm của Lê Đại đã đến được với mọi người, chạm đến trái tim mọi người, thức tỉnh họ, thúc giục họ đồng tâm cứu nước nhà.

Có thể thấy mặc dù *Đông Kinh nghĩa thực* cổ súy học chữ Quốc ngữ nhưng vẫn sử dụng nhiều sách chữ Hán làm tài liệu giảng dạy và học tập. Một mặt là bởi đội ngũ giáo viên của trường phần lớn là các nhà Nho, giỏi Hán văn, nhiều người đã từng đỗ đạt, làm quan, mặt khác là bởi những nội dung tiến bộ, những điểm cách tân mà các tài liệu Hán văn này chuyển tải, nhằm mục đích khai dân trí, chấn dân khí. Những điểm cách tân đó được thể hiện ở những vấn đề, những phương diện sau:

Thứ nhất, cách tân trong quan điểm dạy học: Sách giáo khoa chữ Hán của *Đông Kinh nghĩa thực* chú trọng dạy sử Việt Nam, địa lý Việt Nam, chữ Quốc ngữ, con người Việt Nam,

luân lý đạo đức của người công dân Việt Nam mới. Mỗi chủ đề này đều có những cuốn sách chuyên biệt, như *Cải lương môn học quốc sử giáo khoa thư* (chuyên về lịch sử Việt Nam), *Nam quốc địa dư* (chuyên về địa lý Việt Nam), *Nam quốc vĩ nhân truyện* (chuyên kể về những nhân vật anh hùng hào kiệt của Việt Nam), *Tân đính luân lý giáo khoa thư* (chuyên về luân lý đạo đức). Với những cuốn nội dung đề cập đến nhiều chủ đề thì chủ đề lịch sử, địa lý, chữ Quốc ngữ, luân lý vẫn là những chủ đề được quan tâm nhiều nhất và đưa lên hàng đầu (*Quốc dân độc bản* gồm 79 chủ đề, trong đó các chủ đề luân lý, đạo đức, địa lý, lịch sử đều nằm ở phần đầu của sách),... Trong 6 hướng giải quyết mà tác giả *Văn minh tân học sách* đã đưa ra trên con đường giải phóng, giải thoát, để vươn tới nền văn minh của thời hiện đại, thì *dùng văn tự nước nhà* là hướng giải quyết đầu tiên, bởi học chữ Quốc ngữ giản dị mà nhanh chóng, được khuyến khích tin dùng. Tác giả lập luận: *người trong nước đi học nên lấy chữ quốc ngữ làm phương tiện đầu tiên, để cho trong thời gian vài tháng đàn bà trẻ con cũng đều biết chữ; người ta có thể dùng quốc ngữ để ghi việc đời xưa, chép việc đời nay; thư từ có thể chuốt lờn và đạt ý*. Trong hướng giải quyết thứ hai (hiệu đính sách vở), *Văn minh tân học sách* cũng nhấn mạnh *lấy sử Nam làm phân chính, rồi hiệu đính lại*,... Sử Tàu thì *chỉ đọc qua cho biết đại lược*,... Sử Tây thì *cần phải lược bỏ những chỗ rườm rà để cho người đọc dễ hiểu*, cho thấy quan điểm của sách là chú trọng học lịch sử nước nhà.

Thứ hai, cách tân trong kết cấu sách giáo khoa và các chương trong sách giáo khoa. Sách *Tân đính luân lý giáo khoa thư* có kết cấu có nhiều khác biệt so với kết cấu của một cuốn sách viết về luân lý truyền thống. Theo truyền thống, tinh thần luân lý thường có xuất phát điểm là kỷ và đích đến là *thiên hạ* (cách vật – trí tri – thành ý – chính tâm – tu thân – tề gia – trị quốc – bình thiên hạ). Trong một số trường hợp, tinh thần luân lý lại được trình bày ngược lại, từ *ngoại vương* tới *nội thánh*. *Tân đính luân lý giáo khoa thư* lại trình bày theo thứ tự *Đối với nước* (chương 2) – *Đối với gia đình* (chương 3) – *Đối với mình* (chương 4) – *Đối với người* (chương 5) – *Đối với xã hội* (chương 6) – *Đối với muôn loài* (chương 7), không mở rộng dần, cũng không thu hẹp dần, khác hẳn với kết cấu truyền thống. Kết cấu trong từng chương của *Tân đính luân lý giáo khoa thư* cũng có nhiều khác biệt so với các sách luân lý truyền thống của Nho gia. Ngay chương *Tổng luận* (Chương 1) mục *Quốc thể* đã được đưa lên trước mục *Trung hiếu*. Cách sắp xếp này thể hiện trong tình cảnh nước mất nhà tan khi đó, vấn đề tự hào tự tôn dân tộc, tinh thần chấn hưng dân tộc đã được đẩy lên thành luân lý quan trọng nhất, thiết yếu nhất, được ưu tiên nhất. Các mục nhỏ trong chương 3, chương *Đối gia* được sắp xếp theo trình tự *phu thê – phụ tử – huynh đệ* cho thấy sự khác biệt với cách sắp xếp của Nho gia truyền thống (*phụ tử – phu thê – huynh đệ*). Tác giả đưa quan hệ *phu thê* lên đầu tiên với lập luận: *một nhà được lập, tất đầu tiên phải có vợ chồng, rồi sau mới có cha con, có cha con sau đó mới có anh em*. Như vậy, quan hệ *phu thê* đã được coi là gốc rễ của luân lý gia tộc. Chương 4 của *Tân đính luân lý giáo khoa thư* (chương *Đối kỷ*) được sắp xếp các mục theo trình tự *kỷ – vệ sinh – dũ trí – tiến đức*. Theo truyền thống, cái quan trọng nhất của *tu kỷ* là *tiến đức* và lẽ dĩ nhiên là *tiến đức* được đưa lên hàng đầu. Với cách sắp xếp mới mẻ này, tác giả lập luận: *con người phải có một thể lực cường tráng mới có thể gánh vác tốt mọi việc, mới có thể có trí tuệ tốt và đạo đức tốt*.

Thứ ba, cách tân trong việc đưa thêm chủ đề mới, vấn đề mới. Sách *Tân đính luân lý giáo khoa thư* đưa thêm vấn đề tuyển cử nghị viên ở trong chương *Đối quốc*. Vấn đề này hoàn toàn mới, chưa từng xuất hiện trong cách sách giáo khoa chữ Hán trước đó. Trong vấn đề này, tác giả nhấn mạnh đến thái độ thành tâm kính ý, tinh thần chuyên nhất tận tụy của công dân đối với việc tuyển cử nghị viên, vì cầu thả trong tuyển cử nghị viên can hệ tới sự trị an, thịnh suy của quốc gia, dân tộc. Vấn đề *vệ sinh* mới mẻ cũng được tác giả đưa vào chương thứ tư, chương *Đối kỷ*. Tác giả lập luận, thể xác tốt là tiền đề cho trí tuệ tốt và cuối cùng là đi tới có một đạo đức tốt. Hai chương cuối của sách *Tân đính luân lý giáo khoa thư* (chương 6: *Đối xã hội* và chương 7: *Đối thứ vật*) đều là những vấn đề mới mẻ. Hướng giải quyết thứ 5 và thứ 6 mà tác giả *Văn minh tân học sách* đã đưa trong 6 hướng giải quyết để đưa Việt Nam tiến tới nền văn minh hiện đại là *chấn hưng công nghệ* và *mở tòa soạn báo*. Hai vấn đề này hoàn toàn mới và chưa từng xuất hiện trong các lập luận của các nhà Nho truyền thống. Tác giả cho rằng *công nghệ rất có quan hệ với quốc gia*, nếu không chấn hưng công nghệ, ta sẽ bị lạc hậu, thụt lùi, và kết cục *ta không hơn người là người bỏ rơi ta* ở ngay nhãn tiền. Tác giả cũng có những đề xuất rất tiến bộ, rất hiện đại về chế độ đãi ngộ và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với những người đi đầu trong phong trào chấn hưng công nghệ: *những ai giỏi về các khoa cách trí, khí học, hóa học thì làm cho họ được vẻ vang sang trọng hơn cả những người đỗ đại khoa và giữ cho họ quyền sáng tạo để bảo vệ quyền lợi của họ*. Về vấn đề *mở tòa soạn báo*, tác giả xác định mục đích của báo chí nước ta khi ấy là *đăng lên báo cho mọi người cùng biết những phép tốt, ý hay, nghề lạ, ngón khéo ở Âu Mỹ và những việc xưa nay ở nước ta*. Tác giả đưa ra lợi ích không nhỏ của báo chí là *phá tan được cái giới câu nệ, tối tăm và dân trí sẽ dần được mở mang là chính nhờ đó* (báo chí).

Thứ tư, cách tân trong nhận thức về một số vấn đề không phải là mới. Những vấn đề như *thủ pháp, binh dịch, nộp thuế, tài sản* không phải là những vấn đề mới, tuy nhiên, trong sách *Tân đính luân lý giáo khoa thư*, những vấn đề đó lại được trình bày với những lập luận mới, sắc thái mới bởi những nhận thức mới về những vấn đề đó của người biên soạn. Ở mục *thủ pháp*, tác giả nhận thức pháp luật thời nay là *lấy quyền lực công chính vô tư để không chế tư dục cá nhân để bảo vệ lợi ích số đông, trừng phạt kẻ gian, bảo vệ người lương thiện, duy trì sự an khang cho quốc gia*. Nhận thức này cho thấy sự khác biệt về căn bản so với quan niệm về pháp trị thời trung đại là *lấy thủ đoạn chuyên chế để thực hành cai trị*. Từ nhận thức mới mẻ ấy, tác giả nhấn mạnh *thủ pháp* là gốc của việc lập quốc, là nghĩa vụ số một của công dân. Về vấn đề *Binh dịch, Nộp thuế*, nhận thức mới được thể hiện ở chỗ tác giả nhấn mạnh ý thức trách nhiệm của công dân trong việc binh dịch, nộp thuế, coi việc này như là một nhu cầu cấp thiết, một mong muốn, nguyện vọng thiết tha xuất phát từ đáy lòng của mỗi cá nhân công dân chứ không chỉ là nghĩa vụ bắt buộc của mỗi người dân. Về vấn đề *tài sản*, tác giả nhận thức rất mới mẻ với lập luận: *Tài sản là do bản thân bỏ công sức ra làm mà có, ta được phép sử dụng tùy ý, được pháp luật bảo hộ, tài sản cũng quý giá như thân thể con người*.

3. KẾT LUẬN

Từ việc chỉ ra những điểm cách tân trong sách giáo khoa chữ Hán của *Đông Kinh nghĩa*

thực (về quan điểm giáo dục, về kết cấu sách giáo khoa và các chương mục, về việc thêm chủ đề, vấn đề mới và về nhận thức) như thế, ta có thể khẳng định *Đông Kinh nghĩa thực* đã hướng tới xây dựng một nền giáo dục hiện đại, tiến bộ, để từ đó *Đông Kinh nghĩa thực* đã trở thành nét son sáng chói của nền giáo dục Việt Nam, là cuộc cách mạng văn hóa, tư tưởng, giáo dục quan trọng trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương Thâu (1997), *Đông kinh nghĩa thực và phong trào cải cách văn hoá đầu thế kỷ XX*, Nxb. Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
2. Chương Thâu (2006), “Về một sưu tập thơ văn Hán Nôm của Đông Kinh Nghĩa Thực”, *Thông báo Hán Nôm*.
3. Đặng Thai Mai (1964), *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX 1900-1925*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
4. Lê Thời Tân (2018), “Tìm hiểu “Đông Kinh nghĩa thực” qua việc “nghiên cứu” một tình huống nghiên cứu”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Giáo dục*, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, số 21.
5. Nguyễn Kim Sơn (2007), “Tư tưởng luân lý mới của các nhà nho Duy Tân trong *Tân định luân lý giáo khoa thư*”, *Tạp chí Triết học*, số 4.
6. Nguyễn Thị Hương (2007), “Sơ bộ khảo sát các sách dạy lịch sử Việt Nam bằng chữ Hán và chữ Nôm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam”, *Thông báo Hán Nôm 2008*.
7. Nguyễn Thị Hương (2011), “Về những cuốn sách giáo khoa chữ Hán của Đông Kinh nghĩa thực hiện đang lưu giữ tại các thư viện ở Hà Nội”, *Thông tin Khoa học xã hội*, số 12.
8. Nhiều tác giả (2008), *Một trăm năm Đông Kinh Nghĩa Thực*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
9. Phạm Văn Khoái, (2001), *Một số vấn đề về chữ Hán thế kỷ XX*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
10. Trần Nghĩa và François Gros (đồng chủ biên) (1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
11. Vũ Ngọc Khánh (1985), *Tìm hiểu nền giáo dục Việt Nam trước 1945*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
12. Vũ Thế Khôi (2009), “Tác giả *Văn minh tân học* sách phải chăng là của Ngô Đức Kế”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2.

THE CHINESE TEXTBOOKS OF TONKIN FREE SCHOOL

Abstract: Tonkin Free School promoted learning the Vietnamese Alphabet script to abandon the old-fashioned traditional teaching methods, adopt novel ideas, and develop the contemporary culture and education. However, they still used many Chinese classical educational materials during the teaching and learning process. It is because the teaching staff of Tonkin Free School are mostly Confucianism teachers. Besides, some contents and ideas delivered by these Chinese educational materials to enlighten the people are very forward-looking and modern. This report provides an overall view of the Chinese educational materials used in Tonkin Free School and their novel ideas.

Keywords: Textbooks, Chinese, Tonkin Free School.